

ĐỀ ÁN “CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
GIAI ĐOẠN 2026-2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2035”

(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN, ngày tháng năm 2026
của Giám đốc ĐHQGHN)

1. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG

Chuyển đổi số tại Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) là nhiệm vụ chiến lược, cấp bách, mang tính đột phá, được chỉ đạo và triển khai dựa trên các quan điểm, định hướng sau:

1.1. Quan điểm chỉ đạo

a) Chuyển đổi số cần được triển khai toàn diện, đồng bộ trên tất cả lĩnh vực hoạt động của ĐHQGHN, hình thành một Đại học số hiện đại, lấy người học, giảng viên và nhà khoa học làm trung tâm.

b) Kết quả chuyển đổi số phải được kiểm chứng dựa trên các chỉ số lượng hóa phản ánh chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và hiệu quả quản trị đại học, gắn với đổi mới phương thức làm việc, học tập, nghiên cứu.

c) Ưu tiên đầu tư hạ tầng số và dữ liệu số đồng bộ, lựa chọn triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, lan tỏa cao, tạo đột phá, có tính bền vững.

d) Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện trong lãnh đạo, tổ chức triển khai chuyển đổi số, đạt kết quả thực chất, đồng thời chú trọng xây dựng văn hóa số tại đơn vị.

đ) Kế thừa có chọn lọc kết quả ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn trước; gắn hoạt động chuyển đổi số với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự xã hội trong giáo dục đại học và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

1.2. Định hướng chiến lược

Nguyên tắc "Một ĐHQGHN - Một nền tảng số duy nhất" được cụ thể hóa thông qua các yêu cầu sau:

a) Dữ liệu số phải được quản lý tập trung, chuẩn hóa, sẵn sàng chia sẻ và khai thác, trở thành phương tiện chính hỗ trợ hoạt động quản trị và ra quyết định.

b) Mọi quy trình nghiệp vụ và thủ tục hành chính phải được số hóa toàn diện, vận hành thông suốt từ đầu đến cuối trên môi trường số.

c) Dịch vụ, ứng dụng số phải được thiết kế dựa trên chuẩn hóa và trải nghiệm thực tế của người sử dụng.

d) Hoạt động đầu tư ứng dụng, công nghệ số phải tuân thủ Kiến trúc Đại học số; ưu tiên tính chất dùng chung và kiến trúc mở, vừa bảo đảm sự nhất quán trong ĐHQGHN, vừa đáp ứng linh hoạt yêu cầu riêng của các đơn vị.

đ) Bảo đảm an ninh thông tin là nhiệm vụ trọng yếu, xuyên suốt vòng đời của mọi nhiệm vụ chuyển đổi số.

2. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

2.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng ĐHQGHN trở thành một tổ chức số vận hành thông minh, dựa trên dữ liệu số và thực chứng; đổi mới hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, hình thành môi trường học tập và làm việc số linh hoạt, sáng tạo; là môi trường thử nghiệm có kiểm soát các mô hình giáo dục và phương pháp quản trị đại học mới; góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển và nâng cao thứ hạng quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Tạo điều kiện để người học tiếp cận dịch vụ giáo dục chất lượng cao, học tập suốt đời

- Người học được tiếp cận kho học liệu số với tối thiểu 10.000 học liệu chất lượng cao và toàn bộ tài nguyên nội sinh quan trọng của ĐHQGHN thuận tiện mọi lúc, mọi nơi; tối thiểu 50 khóa học trực tuyến mở (MOOC) do ĐHQGHN cung cấp, phục vụ nhu cầu học tập suốt đời của cộng đồng;

- Ít nhất 40% hoạt động giảng dạy được hỗ trợ bởi công nghệ giáo dục thông minh, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trên nền tảng số, hướng tới cá nhân hóa trải nghiệm học tập; ít nhất 30% người học tiếp cận được hình thức đào tạo linh hoạt (trực tuyến, tín chỉ chéo);

- Các đơn vị đào tạo sử dụng chung một Hệ thống thông tin quản lý đào tạo, đáp ứng 100% thủ tục người học (nhập học, đăng ký môn học, khảo thí, xét học bổng, cấp phát văn bằng) được thực hiện trực tuyến toàn trình, tương thích với các chuẩn mực quốc tế; thời gian xử lý hồ sơ thủ tục giảm ít nhất 50% so với năm 2025;

- Hơn 90% người học sử dụng ứng dụng di động tích hợp OneVNU là điểm truy cập duy nhất cho các dịch vụ đào tạo, hành chính và đời sống; tỷ lệ hài lòng của người học với dịch vụ số đạt ít nhất 80%;

- Người học có điều kiện tham gia chương trình đào tạo và khai thác học liệu từ ít nhất 03 đại học đối tác quốc tế hàng đầu thông qua nền tảng số.

b) Phát huy tối đa tiềm năng, năng lực sáng tạo của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học

- 100% quy trình quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ (đăng ký, xét duyệt, ký hợp đồng, báo cáo tiến độ, nghiệm thu, thanh quyết toán) được thực hiện trực tuyến toàn trình; thời gian xử lý hồ sơ thủ tục giảm tối thiểu 40%;

- Hầu hết giảng viên, nhà khoa học có hồ sơ khoa học số (lý lịch khoa học,

công trình, công bố, đề tài, bằng sáng chế), được cập nhật nhất quán, truy cập từ nhiều loại thiết bị số; hơn 75% giảng viên, nhà khoa học hài lòng với dịch vụ số;

- Ít nhất 50% giảng viên, nhà khoa học sử dụng thường xuyên các công cụ trí tuệ nhân tạo hỗ trợ nghiên cứu (tìm kiếm, tổng hợp tài liệu, viết bài, chuẩn bị hồ sơ sáng chế); thời gian tìm kiếm, tổng hợp tài liệu khoa học giảm ít nhất 30%;

- Ít nhất 70% nhóm nghiên cứu mạnh được kết nối với doanh nghiệp và đối tác thông qua Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo số; cơ sở dữ liệu nghiên cứu tích hợp được kết nối với các nguồn học thuật trong và ngoài nước;

- Tối thiểu 30% giảng viên, nhà khoa học đạt chuẩn năng lực sử dụng công nghệ số trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

c) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị và điều hành dựa trên dữ liệu

- 100% báo cáo định kỳ của các đơn vị được khai báo dạng số; thông tin, số liệu đã có trong kho dữ liệu lớn được tự động đồng bộ vào báo cáo, không qua nhập liệu thủ công; giảm thời gian tổng hợp báo cáo định kỳ ít nhất 50%;

- Các chỉ số đánh giá hiệu quả chính (đào tạo, khoa học công nghệ, tài chính, nhân sự) được hiển thị trên VNU-Dashboard tích hợp công cụ phân tích dữ liệu, phục vụ theo dõi, giám sát và ra quyết định; cảnh báo được thiết lập tự động, thông tin được gửi đến cán bộ quản lý trong vòng 24 giờ khi có phát sinh;

- 100% cán bộ quản lý cấp ĐHQGHN và ít nhất 80% người đứng đầu đơn vị được cấp quyền và sử dụng VNU-Dashboard thường xuyên (\geq một lần/tuần);

- Kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị được lồng ghép vào tiêu chí thi đua, khen thưởng và quy hoạch, bổ nhiệm người đứng đầu.

d) Nâng cao năng suất lao động, xây dựng môi trường làm việc hiện đại

- 100% viên chức và người lao động được cấp định danh số VNU-eID, xác thực tập trung, là tài khoản truy nhập duy nhất vào toàn bộ hệ thống số và dịch vụ số của ĐHQGHN;

- 100% thủ tục hành chính nội bộ đủ điều kiện về kỹ thuật và quy trình được cung cấp trực tuyến toàn trình; hơn 95% văn bản được xử lý điện tử và ký số; thời gian xử lý công việc hành chính giảm ít nhất 40% so với năm 2025;

- Thông tin, dữ liệu và quản lý, tác nghiệp và trao đổi công việc hàng ngày của viên chức và người lao động được tích hợp trên Không gian làm việc số MyVNU với giao diện được cá nhân hóa;

- Dữ liệu quan trọng, dùng chung (nhân sự, tài chính, đào tạo, khoa học công nghệ, công bố quốc tế, hợp tác phát triển) được cung cấp, cập nhật, hiệu chỉnh tại một nơi và chia sẻ, khai thác xuyên suốt các hệ thống số, quy trình nghiệp vụ, công tác quản trị hành chính liên quan.

đ) Xây dựng hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, phục vụ phát triển bền vững:

- 60% nhân sự chuyên trách về công nghệ thông tin có chứng chỉ quốc tế

trong lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm; 100% đơn vị tham gia đánh giá mức độ chuyển đổi số hằng năm theo bộ chỉ số thống nhất;

- Trung tâm dữ liệu ĐHQGHN đạt tiêu chuẩn tương đương Tier 3; các hệ thống thông tin quan trọng bảo đảm tính sẵn sàng $\geq 99,5\%$; hạ tầng mạng kết nối thông suốt toàn bộ các cơ sở, sẵn sàng triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và Internet vạn vật;

- Thời gian tiếp cận và giải quyết sự cố kỹ thuật trung bình ≤ 24 giờ;

- 100% hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung được đánh giá, phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 04 lớp;

- Triển khai thành công giai đoạn một mô hình Đô thị đại học thông minh tại Hòa Lạc, cung cấp ít nhất 05 dịch vụ số phục vụ cộng đồng; hoàn thiện và đưa vào vận hành mô hình bản sao số khu đô thị đại học Hòa Lạc, tích hợp dữ liệu thời gian thực, phục vụ mô phỏng, dự báo, tối ưu hóa vận hành và nghiên cứu, đào tạo.

3. NHIỆM VỤ CHÍNH

3.1. Phát triển hệ sinh thái học tập suốt đời

a) Xây dựng và vận hành Kho học liệu số dùng chung; số hóa, chuẩn hóa hầu hết các chương trình đào tạo, giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo; phát triển các học liệu số đa phương tiện (video, mô phỏng, thực tế ảo).

b) Thí điểm triển khai trợ giảng ảo ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) tạo sinh tại một số đơn vị đào tạo đủ điều kiện.

c) Phát triển Nền tảng đào tạo trực tuyến mở (VNU-MOOC); khuyến khích, hỗ trợ các đơn vị xây dựng các khóa học trực tuyến chất lượng cao; thiết lập cơ chế công nhận tín chỉ lẫn nhau giữa các đơn vị trong ĐHQGHN và với các đối tác.

d) Nâng cấp Hệ thống quản lý học tập (VNU-LMS), tích hợp với Kho học liệu số dùng chung và Nền tảng VNU-MOOC, cung cấp công cụ hỗ trợ dạy và học thông minh.

3.2. Chuyển đổi số hoạt động đào tạo và công tác người học

a) Hoàn thiện ứng dụng di động tích hợp (OneVNU) thành điểm truy cập duy nhất, tích hợp thẻ sinh viên điện tử, định danh cá nhân và toàn bộ các dịch vụ tiện ích (học tập, rèn luyện, đời sống, thanh toán điện tử) cho người học.

b) Số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ, triển khai hệ thống một cửa điện tử giải quyết trực tuyến các thủ tục hành chính liên quan đến người học, đáp ứng toàn trình từ bước tuyển sinh, nhập học, đăng ký môn học, khảo thí đến tốt nghiệp và sau khi ra trường.

c) Xây dựng lộ trình và cơ chế khuyến khích để triển khai rộng rãi các mô hình học tập kết hợp và học tập cá nhân hóa; ứng dụng AI vào phân tích dữ liệu học tập và người học để cung cấp phản hồi tự động, cảnh báo sớm và đề xuất lộ trình học tập tối ưu.

d) Nâng cấp, phát triển một Hệ thống thông tin quản lý đào tạo vận hành trên một cơ sở dữ liệu người học duy nhất, quản lý toàn bộ thông tin, nghiệp vụ về tiến trình đào tạo, liên thông dữ liệu từ hồ sơ tuyển sinh cấp trung học phổ thông lên đại học và sau đại học; cho phép các đơn vị linh hoạt mở rộng, bổ sung các chức năng nghiệp vụ đặc thù thông qua bộ thư viện lập trình (API) dùng chung, với điều kiện tuân thủ chuẩn dữ liệu và giao thức tích hợp của ĐHQGHN.

đ) Triển khai số hóa công tác quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ trong các đơn vị đào tạo, cho phép thực hiện trực tuyến việc tra cứu, xác thực văn bằng, kết nối với Cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo; nghiên cứu ứng dụng, tích hợp công nghệ mới trong bảo đảm an toàn và chống giả mạo đối với xác thực và quản lý văn bằng.

3.3. Phát triển nền tảng số khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Xây dựng, triển khai Hệ thống thông tin quản lý khoa học, công nghệ quản lý xuyên suốt toàn bộ vòng đời của nhiệm vụ khoa học công nghệ, từ ý tưởng, đề xuất, phê duyệt, thực hiện, nghiệm thu đến công bố, đăng ký sở hữu trí tuệ và địa điểm tiếp nhận, thụ hưởng kết quả.

b) Thiết lập Cơ sở dữ liệu nghiên cứu tích hợp các nguồn dữ liệu về công bố quốc tế, đề tài, bằng sáng chế, nhà khoa học và phòng thí nghiệm; kết nối với các cơ sở dữ liệu học thuật trong và ngoài nước.

c) Đẩy mạnh phân tích xu hướng khoa học công nghệ dựa trên dữ liệu: xây dựng công cụ phân tích xu hướng nghiên cứu, bản đồ công nghệ và sáng chế.

d) Phát triển, triển khai cơ chế dạng Sàn giao dịch sản phẩm khoa học, công nghệ tạo môi trường kết nối, giao dịch và chuyển giao tri thức, công nghệ hiệu quả giữa nhà khoa học với doanh nghiệp và cộng đồng.

đ) Phát triển, vận hành các nền tảng số và tài nguyên ảo hóa cho nghiên cứu, bao gồm phòng thí nghiệm ảo, công nghệ mô phỏng và bộ công cụ số chuyên ngành, phục vụ trực tiếp cho nghiên cứu chiến lược và liên ngành của ĐHQGHN.

e) Xây dựng Nền tảng trí tuệ nhân tạo (VNU-AI Platform) như một dịch vụ số dùng chung, cung cấp dữ liệu huấn luyện và giao diện lập trình (API) dựng sẵn, dễ tiếp cận, phục vụ phát triển và vận hành các mô hình AI của ĐHQGHN.

g) Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển AI tạo sinh, AI có trách nhiệm; thúc đẩy thương mại hóa các giải pháp ứng dụng AI.

3.4. Hoàn thiện hệ thống quản trị đại học số

a) Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và Hệ thống thông tin quản lý (VNU-MIS) thu thập, chuẩn hóa, tích hợp và làm sạch dữ liệu từ mọi hệ thống nghiệp vụ và nguồn dữ liệu bên ngoài ĐHQGHN tạo thành một nguồn dữ liệu sạch, thống nhất, phục vụ quản trị và phân tích, đánh giá xu hướng.

b) Phát triển Hệ thống báo cáo thông minh (VNU-Dashboard) trực quan hóa dữ liệu, cung cấp các báo cáo, chỉ số tức thời trong các lĩnh vực cần quan tâm; thiết lập cơ chế cảnh báo tự động phục vụ theo dõi, giám sát, hỗ trợ ra quyết định.

c) Hình thành Không gian làm việc số (MyVNU) cung cấp công thông tin điện tử duy nhất tích hợp bộ công cụ làm việc, trao đổi, tổng hợp thông tin, nhắc việc và cộng tác thống nhất cho toàn bộ cán bộ, viên chức và người lao động.

d) Xây dựng và ban hành Bộ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, gồm các tiêu chuẩn về dữ liệu, API, bảo mật và phương thức tích hợp, đồng bộ các hệ thống trong ĐHQGHN.

đ) Nâng cấp, mở rộng chức năng các Hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành thiết yếu, gồm hệ thống hợp trực tuyến, hệ thống lưu trữ điện tử, và hệ thống quản lý văn bản điều hành, gắn với Không gian làm việc số MyVNU.

e) Phát triển Hệ thống quản trị nhân sự (VNU-HRM) thực hiện số hóa toàn bộ quy trình quản lý nhân sự (từ tuyển dụng, hồ sơ, hợp đồng, chấm công, lương, phúc lợi đến đào tạo và đánh giá cán bộ, giảng viên) và kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; tích hợp chức năng kiểm đếm và đánh giá công việc theo KPI hằng năm.

g) Xây dựng và phát triển Hệ thống quản trị tài chính - kế toán, số hóa đầy đủ quy trình quản lý tài chính, kế toán, ngân sách, thanh toán, mua sắm và tài sản; bảo đảm minh bạch việc bố trí, phân bổ kinh phí và tổng hợp quyết toán.

h) Xây dựng và phát triển Hệ thống quản trị hợp tác và phát triển với các chức năng chính gồm: quản lý đối tác, thỏa thuận hợp tác; nhiệm vụ, dự án hợp tác trong nước và quốc tế; mạng lưới chuyên gia ngoài nước; hội nghị, hội thảo có tính chất quốc tế; tọa đàm khoa học trực tuyến; kết nối với các hệ thống thông tin về nghiên cứu và đào tạo.

3.5. Hoàn thiện hạ tầng số và xây dựng dịch vụ đô thị đại học thông minh tại Hòa Lạc

a) Xây dựng Trung tâm dữ liệu ĐHQGHN, hiệu suất cao, công nghệ hiện đại (tương đương chuẩn Tier 3-), ứng dụng công nghệ ảo hóa, điện toán đám mây.

b) Phát triển hạ tầng kết nối, vận hành mạng truyền dẫn cáp quang dùng riêng, hạ tầng Internet vạn vật và mạng không dây tốc độ cao.

c) Đầu tư có trọng điểm tài nguyên tính toán chuyên dụng, hiệu năng cao và AI cho nghiên cứu chuyên sâu, huấn luyện các mô hình tính toán lớn và phát triển ứng dụng mô phỏng, dữ liệu lớn, AI.

d) Triển khai các dịch vụ đô thị đại học thông minh, ứng dụng công nghệ số trong quản lý giao thông, năng lượng, môi trường, an ninh trật tự và cung cấp các tiện ích thông minh phục vụ cộng đồng tại Hòa Lạc.

đ) Xây dựng mô hình bản sao số khu đô thị đại học Hòa Lạc, bao gồm: thiết kế kiến trúc tổng thể và mô hình hóa không gian; tích hợp dữ liệu thời gian thực từ hệ thống Internet vạn vật và cảm biến; phát triển ứng dụng mô phỏng, giám sát và tối ưu hóa vận hành đô thị đại học; cho phép thực nghiệm nghiên cứu và đào tạo trực tiếp trên môi trường đô thị đại học số.

e) Xây dựng và vận hành Trung tâm Giám sát an ninh mạng; triển khai các

giải pháp bảo mật toàn diện theo mô hình phòng thủ nhiều lớp; thiết lập quy trình bắt buộc đánh giá tác động bảo vệ dữ liệu cá nhân trước khi triển khai các hệ thống, phần mềm thu thập dữ liệu.

g) Triển khai Hệ thống định danh và xác thực tập trung (VNU-eID) cung cấp và quản lý chứng thư số, tài khoản truy cập thống nhất cho toàn bộ cán bộ, giảng viên và người học, tích hợp với các hệ thống dịch vụ số trong toàn ĐHQGHN, bao gồm cả chức năng cấp phát chứng thư số.

4. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

4.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

a) Hoàn thiện văn bản chính sách, ban hành quy định nội bộ, hướng dẫn cụ thể về khai thác hệ thống thông tin, quản trị và chia sẻ dữ liệu; bảo đảm an toàn thông tin; cung cấp thủ tục hành chính nội bộ trực tuyến; và áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động chuyên đổi số.

b) Xây dựng vị trí Kiến trúc sư trưởng (có thể giao kiêm nhiệm cho nhân sự có năng lực vượt trội trong ĐHQGHN hoặc chuyên gia thuê ngoài) báo cáo trực tiếp Giám đốc ĐHQGHN và thực hiện trách nhiệm tư vấn xây dựng, giám sát tuân thủ Kiến trúc Đại học số, tiêu chuẩn kỹ thuật chung của ĐHQGHN.

c) Xây dựng và áp dụng Bộ chỉ số đánh giá mức độ trưởng thành số cho các đơn vị. Kết quả đánh giá là tiêu chí bắt buộc, có trọng số cao, ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá thi đua, khen thưởng và quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại người đứng đầu đơn vị.

d) Thường xuyên rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung Kiến trúc Đại học số của ĐHQGHN phù hợp với định hướng chiến lược quốc gia, yêu cầu của Chính phủ, bộ, ngành liên quan và thực tiễn phát triển của ĐHQGHN.

đ) Ban hành Kế hoạch bãi bỏ quy trình thủ công và bản giấy, trong đó quy định thời điểm hệ thống thông tin chính thức vận hành, các quy trình thủ công, báo cáo giấy tờ tương ứng mà không được thực hiện trên hệ thống này sẽ chính thức bị bãi bỏ và không được công nhận, xóa bỏ tình trạng làm song song hai việc.

4.2. Đổi mới về cách thức tổ chức, quản lý và giám sát

a) Tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ chuyên đổi số theo hướng cân đối giữa nhu cầu và khả năng thực hiện, phù hợp với các điều kiện về tổ chức, kỹ thuật và nguồn lực của ĐHQGHN; có lộ trình thực tế, trong đó ưu tiên triển khai trước những nhiệm vụ khả thi, tác động cao, đòi hỏi nguồn lực hợp lý, thời gian thực hiện ngắn.

b) Rà soát, đơn giản hóa và tối ưu hóa toàn bộ các quy trình nghiệp vụ và thủ tục hành chính nội bộ theo hướng rút ngắn tối đa thời gian xử lý, không tạo ngoại lệ, lấy phục vụ người dùng làm trung tâm, tạo tiền đề thực hiện chuyên đổi số hiệu quả.

c) Nhìn nhận chuyên đổi số về bản chất là thay đổi tư duy và văn hóa làm việc; thành công phụ thuộc vào cam kết của lãnh đạo và vai trò chủ thể của các

đơn vị nghiệp vụ, không phải là nhiệm vụ riêng của bộ phận kỹ thuật.

d) Thúc đẩy hợp tác giữa nhiều đơn vị thông qua các quy chế phối hợp rõ ràng và khuyến khích sử dụng các nền tảng, dịch vụ số dùng chung; tập hợp hệ thống máy chủ của các đơn vị về Trung tâm dữ liệu của ĐHQGHN để vận hành tập trung, đồng bộ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, cắt giảm chi phí quản lý thường xuyên, cho phép mở rộng quy mô tính toán phù hợp với nhu cầu phát sinh, sẵn sàng ứng dụng các nền tảng, công nghệ tính toán có hiệu năng cao.

đ) Tận dụng năng lực nhân lực có chuyên môn tại các đơn vị; lựa chọn, nhân rộng các mô hình chuyển đổi số thành công và tạo điều kiện cho việc chuyển giao, sử dụng ngay các hệ thống thông tin, giải pháp đã chứng minh hiệu quả giữa các đơn vị trong ĐHQGHN theo nguyên tắc "đơn vị có hệ thống tốt, cách làm tốt chia sẻ với đơn vị khác"; khuyến khích các đơn vị có nhu cầu sử dụng ngân sách chuyển đổi số của mình ưu tiên chi trả việc mua hoặc thuê dịch vụ, sản phẩm từ các đơn vị khác của ĐHQGHN.

e) ĐHQGHN đóng vai trò hỗ trợ, cung cấp điều kiện kỹ thuật dùng chung và thực hiện kết nối, các đơn vị là chủ thể sáng tạo các ứng dụng nghiệp vụ; tạo điều kiện cao nhất cho các đơn vị chủ động đề xuất và chủ trì các dự án chuyển đổi số chuyên sâu, phục vụ trực tiếp nhu cầu đặc thù của từng lĩnh vực, triển khai hạ tầng số và tuân thủ các chuẩn dữ liệu dùng chung của ĐHQGHN.

4.3. Hoàn thiện dữ liệu và phát triển hệ thống thông tin

a) Bảo đảm hiệu lực của chức năng Kiến trúc sư trưởng trong áp dụng thống nhất, chặt chẽ Kiến trúc Đại học số của ĐHQGHN và các quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động đầu tư, mua sắm, phát triển và nâng cấp, mở rộng Hệ thống thông tin, phần mềm và cơ sở dữ liệu.

b) Thành lập Tổ chuyên gia tư vấn để phân tích và khai thác dữ liệu; hỗ trợ, thẩm định và hoàn thiện yêu cầu nhiệm vụ, đề bài kỹ thuật do các đơn vị đề xuất, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ và tuân thủ Kiến trúc Đại học số trước khi triển khai, kiến nghị tạm dừng các dự án chuyển đổi số nếu không tuân thủ Kiến trúc Đại học số, qua đó nâng cao hiệu quả đầu tư và hạn chế rủi ro phát sinh.

c) Tổ chức số hóa toàn bộ các dữ liệu, tài liệu, hồ sơ nghiệp vụ quan trọng; triển khai các biện pháp làm sạch, chuẩn hóa, bảo đảm chất lượng và tính sẵn sàng của dữ liệu số dưới hình thức là các cơ sở dữ liệu dùng chung: người học; cán bộ, giảng viên; chương trình đào tạo; học liệu; khoa học, công nghệ và chuyên gia; tài chính, tài sản; hợp tác phát triển.

d) Quy hoạch dữ liệu trên Hệ thống VNU-MIS là dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi của ĐHQGHN, từ đó triển khai quản lý, bảo vệ và khai thác dữ liệu này như tài nguyên chiến lược, phục vụ lợi ích và mục tiêu phát triển chung, dài hạn và bền vững của ĐHQGHN.

đ) Bảo đảm tính nhất quán của dữ liệu; dữ liệu đáp ứng các tiêu chí về chất lượng "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung" thay thế hoàn toàn hình thức báo cáo thủ công; chủ sở hữu dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp

lệ, toàn vẹn, đầy đủ, cập nhật và khả năng truy xuất nguồn gốc của dữ liệu do mình cung cấp; tổ chức, cá nhân khai thác dữ liệu chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin đối với dữ liệu đã tiếp cận, khai thác.

e) Triển khai mô hình kỹ thuật kết hợp giữa tập trung (các hạ tầng, công nghệ cơ bản, dùng chung) và phân tán (ứng dụng chuyên sâu và ứng dụng riêng tại các đơn vị), với điều kiện bắt buộc kết nối, tích hợp thông qua Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu và API của ĐHQGHN.

g) Chuyển đổi toàn diện hạ tầng công nghệ thông tin sang hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, cấp phát tài nguyên kỹ thuật linh hoạt, dựa trên nhu cầu thực tế; yêu cầu mọi hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được đầu tư, xây dựng mới phải ưu tiên triển khai trên hạ tầng điện toán đám mây.

4.4. Tăng cường hợp tác, phát triển

a) Xây dựng và triển khai các mô hình hợp tác công tư chiến lược với các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu trong và ngoài nước để cùng đầu tư, nghiên cứu, đặt hàng giải quyết các bài toán mới, nhiệm vụ trọng điểm, đồng thời tiếp nhận chuyển giao và làm chủ các công nghệ tiên tiến.

b) Thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thu hút và phát huy nguồn lực, sáng kiến từ cựu sinh viên, các tổ chức xã hội và cộng đồng doanh nghiệp công nghệ tham gia giải quyết các bài toán cụ thể của ĐHQGHN, hình thành phòng thí nghiệm sống cho sản phẩm, dịch vụ số mới.

c) Thiết lập cơ chế hợp tác linh hoạt (đặt hàng, thuê dịch vụ, chia sẻ thể mạnh) với các doanh nghiệp công nghệ, dịch vụ số trong nước, nhằm tận dụng tối đa năng lực chuyên môn và công nghệ hiện đại của doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu cần triển khai nhanh về hạ tầng số, nền tảng số và dịch vụ đại học thông minh; giúp giảm kinh phí đầu tư ban đầu, rút ngắn thời gian đưa vào vận hành, khai thác.

4.5. Bảo đảm kinh phí thực hiện

Đổi mới cơ chế tài chính, ưu tiên bố trí ngân sách tập trung cho các dự án, nhiệm vụ cấp thiết, dùng chung; huy động các nguồn kinh phí hợp pháp (dự án đầu tư, nguồn thường xuyên, trích chuyên và nguồn hợp tác, tài trợ) để triển khai các nhiệm vụ của Đề án này; thiết lập cơ chế thẩm định kỹ thuật đối với đề xuất dự án đầu tư, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

4.6. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

a) Tăng cường năng lực an toàn, an ninh thông tin thông qua đánh giá cấp độ an toàn Hệ thống thông tin; tổ chức triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt; ưu tiên nâng cấp, thay thế các hệ thống, ứng dụng, phần mềm đã lạc hậu; xây dựng các kịch bản ứng phó và định kỳ tổ chức diễn tập thực chiến phòng thủ và phục hồi sau sự cố hệ thống.

b) Xây dựng và vận hành trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng, áp dụng mô hình phòng thủ 04 lớp, bảo đảm phát hiện và ứng phó kịp thời với các sự cố, tấn công mạng;

c) Thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về an toàn thông tin mạng; kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát an ninh mạng quốc gia; chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Bộ Công an và Ban Cơ yếu Chính phủ để triển khai các giải pháp bảo mật, xác thực và ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng.

4.7. Phát triển nhân lực và hình thành văn hóa số

a) Tổ chức phổ biến, quán triệt sâu rộng chủ trương, nâng cao nhận thức của cán bộ, lãnh đạo các cấp, nhất là người đứng đầu về sự cần thiết và tính cấp thiết của công tác triển khai đại học số toàn diện.

b) Xây dựng kế hoạch chuyển đổi chi tiết, xác định rõ những công việc thủ công cũ có thể tạm dừng hoặc thuê ngoài để nhân lực chủ chốt có đủ thời gian, tập trung vào tự đào tạo và triển khai hệ thống, ứng dụng mới.

c) Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số được thiết kế phù hợp cho từng nhóm đối tượng; xây dựng và áp dụng các chuẩn kỹ năng số, khai thác dữ liệu trên môi trường số, tạo thói quen sử dụng thường xuyên các hệ thống, ứng dụng số trong công việc.

d) Phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, đủ năng lực quản lý, triển khai và vận hành các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin; huy động sự tham gia của đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học thông qua việc thành lập các tổ tư vấn chuyên môn; định hướng tổ chức một đơn vị duy nhất trong ĐHQGHN thực hiện chức năng, nhiệm vụ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số:

- Tham mưu thường xuyên cho Giám đốc ĐHQGHN về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng đại học số tại ĐHQGHN;

- Điều phối, hỗ trợ công tác triển khai và đánh giá mức độ trưởng thành về chuyển đổi số cho các đơn vị của ĐHQGHN;

- Thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động, kiểm tra và xác định mức độ chấp hành thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu;

- Trực tiếp quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin các hệ thống thông tin, mạng diện rộng, mạng nội khu, hạ tầng tính toán, cơ sở dữ liệu và dịch vụ số của ĐHQGHN;

- Có cơ cấu tổ chức phù hợp và bố trí nhân sự đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng.

đ) Truyền thông nâng cao nhận thức, khuyến khích và tạo động lực để mọi thành viên trong ĐHQGHN chủ động khai thác, chia sẻ dữ liệu và sử dụng hiệu quả các dịch vụ số trong công việc và học tập.

e) Ban hành cơ chế đặc thù (vượt khung) tuyển dụng các chuyên gia công nghệ đầu ngành (kiến trúc sư hệ thống, chuyên gia trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn) với mức lương tối thiểu ngang bằng thị trường doanh nghiệp từ nguồn kinh phí dành riêng cho chuyển đổi số.

4.8. Hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng

a) Áp dụng các quy trình theo tiêu chuẩn quốc tế về quản lý đồng bộ quy trình từ tiếp nhận, xử lý sự cố đến nâng cấp hệ thống; chủ động nhận diện, đánh giá và ứng phó với các rủi ro trên các góc độ công nghệ, tổ chức, con người và tài chính.

b) Xây dựng và áp dụng quy trình kiểm thử, đánh giá và đảm bảo hoạt động liên tục cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quan trọng của ĐHQGHN.

c) Xây dựng cơ chế quản lý nhà cung cấp giải pháp, chuẩn bị nhiều phương án giảm thiểu sự phụ thuộc vào một nhà cung cấp hoặc nền tảng công nghệ duy nhất, bảo đảm tính chủ động và linh hoạt trong dài hạn.

d) Phát triển hệ thống giám sát, báo cáo điều hành tập trung theo dõi trực tuyến, độ trễ thấp, tiến độ, chất lượng và hiệu quả vận hành của các dự án công nghệ thông tin và dịch vụ số, lồng ghép chỉ số giảm tải công việc thực tế, tích hợp cơ chế cảnh báo tự động khi có chỉ số bất thường hoặc vượt ngưỡng thiết kế.

*Các nhiệm vụ và giải pháp được cụ thể hóa thành danh mục các nhiệm vụ trọng tâm với phân công và thời gian thực hiện tại **Phụ lục 1** và **2**.*

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Ban Chỉ đạo NQ57-71 ĐHQGHN

Ban Chỉ đạo NQ57-71 ĐHQGHN tổ chức giúp Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội chỉ đạo, điều phối việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71-NQ/TW cùng các nghị quyết khác có liên quan của Bộ Chính trị, Chương trình hành động liên quan của Chính phủ tại ĐHQGHN, có trách nhiệm tại Đề án này như sau:

a) Tham mưu, giúp Đảng ủy, Ban Giám đốc ĐHQGHN chỉ đạo công tác chuyển đổi số trong toàn ĐHQGHN.

b) Chỉ đạo, đôn đốc, điều hòa phối hợp, kiểm tra, giám sát các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Đề án.

c) Chỉ đạo các đơn vị tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định những cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội theo quy định để tạo điều kiện thuận lợi nhất trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

5.2. Văn phòng ĐHQGHN

a) Chủ trì, tham mưu giúp Ban Chỉ đạo NQ57-71 ĐHQGHN chỉ đạo công tác chuyển đổi số trong toàn ĐHQGHN.

b) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án về phát triển hạ tầng số, nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số dùng chung.

c) Chủ trì triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại các đơn vị; tham mưu, đề xuất việc bổ sung, cập nhật Đề án và thời gian thực hiện cho phù hợp thực tế.

d) Tổ chức xây dựng các quy định, quy chế, hướng dẫn liên quan đến quản lý vận hành, triển khai hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm an ninh thông tin; các tiêu chuẩn,

quy chuẩn kỹ thuật; liên thông, tích hợp, chia sẻ thông tin.

đ) Tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thông tin, hạ tầng kỹ thuật dùng chung; thực hiện giám sát và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng.

5.3. Các Ban chức năng, các đơn vị thành viên và trực thuộc

a) Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình thực hiện của Đề án, yêu cầu sử dụng, khai thác thông tin, dữ liệu và chuyển đổi số tại đơn vị mình, xây dựng kế hoạch triển khai, dự toán và bảo đảm kịp thời, đủ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

b) Chủ trì lập kế hoạch xây dựng và ban hành các văn bản quy định quản lý, sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực của đơn vị; cấu trúc lại quy trình nghiệp vụ và tổ chức triển khai đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

c) Phối hợp với Văn phòng ĐHQGHN xây dựng, triển khai, hướng dẫn, đào tạo, tập huấn sử dụng, bảo vệ dữ liệu các hệ thống thông tin chuyên ngành lĩnh vực của đơn vị mình; liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin khác.

d) Tổ chức khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và các phần mềm nghiệp vụ đúng quy định, hiệu quả.

đ) Cấp ủy các đơn vị, các ban chức năng thực hiện nhiệm vụ là chủ quản dữ liệu của ĐHQGHN, chịu trách nhiệm cao nhất về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý.

5.4. Các đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ thí điểm

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các nhiệm vụ thí điểm được giao tại Đề án, đúng tiến độ và chất lượng.

b) Chủ động nghiên cứu, đề xuất các mô hình, giải pháp mới; đóng gói quy trình và thực hiện chuyển giao công nghệ, nhân rộng các hệ thống thông tin và mô hình chuyển đổi số thành công cho các đơn vị khác trong ĐHQGHN.

c) Định kỳ tổng kết, báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả, các khó khăn, vướng mắc và bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai thí điểm./.

PHỤ LỤC 1. CÁC NHIỆM VỤ THUỘC ĐỀ ÁN

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao nhận thức			
1.1	Hoàn thiện hệ thống văn bản chính sách, ban hành các quy định về quản trị dữ liệu, an toàn thông tin và các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng chung.	Ban Chỉ đạo NQ57-71 ĐHQGHN	Văn phòng ĐHQGHN, các Ban chức năng, các đơn vị	2026
1.2	Xây dựng và áp dụng Bộ chỉ số đánh giá mức độ trưởng thành số cho các đơn vị, lồng ghép vào tiêu chí thi đua, khen thưởng hàng năm.	Ban Tổ chức và Thanh tra	Ban Tài chính và Đầu tư, các đơn vị	2027
1.3	Tổ chức phổ biến, quán triệt, nâng cao nhận thức của cán bộ, lãnh đạo các cấp về tính cấp thiết của chuyển đổi số.	Ban Chỉ đạo NQ57-71 ĐHQGHN	Các đơn vị, Công đoàn, Đoàn Thanh niên	Hàng năm
1.4	Chuẩn hóa năng lực số; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số và xây dựng văn hóa làm việc trên môi trường số cho từng nhóm đối tượng.	Ban Tổ chức và Thanh tra	Các đơn vị	Hàng năm
1.5	Xây dựng cơ chế tài chính linh hoạt cho chuyển đổi số, các quy định về huy động nguồn lực xã hội hóa và hợp tác công tư để phát triển các nền tảng số.	Ban Tài chính và Đầu tư	Văn phòng ĐHQGHN, các Ban chức năng, các đơn vị	2027
1.6	Xây dựng và triển khai cơ chế thí điểm, đặt hàng các sản phẩm, giải pháp công nghệ từ doanh nghiệp và các nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.	Ban Khoa học và Đổi mới sáng tạo	Văn phòng ĐHQGHN, các Ban chức năng, các đơn vị	Từ 2026
1.7	Xây dựng Đề án phát triển đội ngũ chuyên trách về chuyển đổi số tại các đơn vị; thành lập các tổ tư vấn chuyên môn huy động	Ban Tổ chức	Văn phòng ĐHQGHN	2026

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	chuyên gia trong và ngoài ĐHQGHN, kiện toàn đơn vị chuyên trách về chuyên đổi số; xây dựng cơ chế Kiến trúc sư trưởng.	và Thanh tra		
1.8	Ban hành quy chế về việc chia sẻ, nhân rộng các hệ thống thông tin hiệu quả trong toàn ĐHQGHN; xây dựng danh mục sản phẩm số dùng chung và cơ chế khuyến khích các đơn vị đi trước hỗ trợ các đơn vị đi sau.	Ban Chỉ đạo NQ57-71 ĐHQGHN	Các ban chức năng, các đơn vị thành viên	2027
II	Phát triển hạ tầng số			
2.1	Xây dựng, đưa vào vận hành Trung tâm dữ liệu ĐHQGHN hiệu suất cao, công nghệ hiện đại (đạt tương đương chuẩn Tier 3-), ứng dụng công nghệ ảo hóa, điện toán đám mây.	Văn phòng ĐHQGHN	Ban Tài chính và Đầu tư, Ban Quản lý dự án	2027-2030
2.2	Đầu tư tài nguyên tính toán chuyên dụng, hiệu năng cao và AI phục vụ nghiên cứu chuyên sâu, huấn luyện các mô hình AI lớn và phát triển ứng dụng AI.	Văn phòng ĐHQGHN	Các đơn vị nghiên cứu, Ban Khoa học và Đổi mới sáng tạo	2027-2028
2.3	Phát triển hạ tầng kết nối mạng tốc độ cao, hiện đại, sẵn sàng cho các ứng dụng dữ liệu lớn, Internet vạn vật, AI, trọng tâm là khu đô thị ĐHQGHN tại Hòa Lạc.	Văn phòng ĐHQGHN	Ban Quản lý dự án, Trung tâm Quản lý đô thị	2027-2028
III	Phát triển nền tảng số, ứng dụng số và dữ liệu số			
3.1	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung; triển khai làm sạch, chuẩn hóa và tích hợp dữ liệu quan trọng.	Văn phòng ĐHQGHN	Các đơn vị	2026-2027
3.2	Triển khai Hệ thống định danh và xác thực tập trung (VNU-eID) cung cấp và quản lý chứng thư số, tài khoản truy cập.	Văn phòng ĐHQGHN	Các đơn vị	2026
3.3	Xây dựng và vận hành Kho học liệu số dùng chung; số hóa, chuẩn hóa chương trình đào tạo, giáo trình, bài giảng chất lượng cao; triển khai trợ giảng ảo ứng dụng AI tạo sinh.	Ban Đào tạo và công tác sinh viên	Các đơn vị đào tạo, Trung tâm Thông tin thư viện số	2026-2028

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3.4	Phát triển Nền tảng đào tạo trực tuyến mở VNU-MOOC; hỗ trợ các đơn vị xây dựng khóa học trực tuyến chất lượng cao phục vụ người học trong và ngoài ĐHQGHN	Văn phòng ĐHQGHN	Ban Đào tạo và công tác sinh viên, các đơn vị đào tạo	2027-2028
3.5	Hoàn thiện và phát triển ứng dụng tích hợp OneVNU thành điểm truy cập duy nhất cho người học.	Văn phòng ĐHQGHN	Ban Đào tạo và công tác sinh viên, các đơn vị	Thường xuyên
3.6	Xây dựng Hệ thống quản lý khoa học, công nghệ xuyên suốt vòng đời của nhiệm vụ khoa học - công nghệ.	Ban Khoa học và Đổi mới sáng tạo	Văn phòng ĐHQGHN, các đơn vị nghiên cứu, đào tạo	2026-2027
3.7	Thiết lập Cơ sở dữ liệu nghiên cứu tích hợp, kết nối với các cơ sở dữ liệu học thuật trong và ngoài nước.	Ban Khoa học và Đổi mới sáng tạo	Trung tâm Thư viện và tri thức số	2026
3.8	Phát triển Cổng thông tin kết nối nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, công bố năng lực nghiên cứu, kết quả và sản phẩm khoa học công nghệ của ĐHQGHN; kết nối với các nền tảng đổi mới sáng tạo quốc gia và cộng đồng doanh nghiệp.	Ban Khoa học và Đổi mới sáng tạo	Trung tâm Chuyển giao tri thức và hỗ trợ khởi nghiệp	2027-2028
3.9	Phát triển Hệ thống báo cáo thông minh (VNU-Dashboard) trực quan hóa dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định.	Văn phòng ĐHQGHN	Các ban chức năng, các đơn vị	2026
3.10	Hình thành Không gian làm việc số (MyVNU) cung cấp cổng thông tin và bộ công cụ cộng tác thống nhất cho cán bộ, viên chức và người lao động.	Văn phòng ĐHQGHN	Các đơn vị	2026-2027
3.11	Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống quản trị nhân sự (VNU-HRM), số hóa toàn bộ quy trình quản lý nhân sự.	Ban Tổ chức và Thanh tra	Các đơn vị	2026-2027
3.12	Xây dựng Hệ thống quản trị tài chính kế toán, số hóa quy trình quản lý ngân sách, mua sắm và công tác quản lý cơ sở vật chất.	Ban Tài chính và Đầu tư	Các đơn vị	2026-2027

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3.13	Phát triển Cổng thông tin tích hợp dành cho doanh nghiệp, đối tác; số hóa các quy trình quản lý đối tác, thỏa thuận hợp tác.	Ban Hợp tác và Phát triển	Các đơn vị	2026-2027
3.14	Triển khai tập trung Hệ thống thông tin quản lý đào tạo theo thiết kế “một platform, nhiều domain”.	Ban Đào tạo và công tác sinh viên	Văn phòng ĐHQGHN, các đơn vị đào tạo	2026
3.15	Hoàn thiện Trục tích hợp dữ liệu của ĐHQGHN, ban hành các tiêu chuẩn kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc cho tất cả các Hệ thống thông tin.	Văn phòng ĐHQGHN	Các đơn vị	2026-2027
3.16	Số hóa quản lý, theo dõi và cấp phát văn bằng, chứng chỉ (kết nối Cổng dịch vụ công Quốc gia)	Ban Đào tạo và công tác sinh viên	Các đơn vị đào tạo	2026-2027
IV	Bảo đảm an toàn thông tin			
4.1	Xây dựng và vận hành Trung tâm Giám sát an ninh mạng; triển khai giải pháp bảo mật theo mô hình phòng thủ nhiều lớp.	Văn phòng ĐHQGHN	Các đơn vị	2026-2027
4.2	Triển khai kết nối kỹ thuật với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia và các cơ quan chuyên môn của Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ.	Văn phòng ĐHQGHN		Thường xuyên
4.3	Tổ chức đánh giá, phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin cho 100% hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung.	Ban Chỉ đạo NQ57-71 ĐHQGHN	Văn phòng ĐHQGHN, các đơn vị	Hàng năm
4.4	Xây dựng các kịch bản ứng phó và định kỳ tổ chức diễn tập thực chiến phòng thủ và phục hồi sau sự cố hệ thống.	Văn phòng ĐHQGHN	Các đơn vị	Hàng năm
V	Nhiệm vụ giao các đơn vị theo đặc điểm chuyên môn nghiệp vụ			
5.1	Số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu và phát triển công cụ AI (về xử lý ngôn ngữ tự nhiên) khai thác, phân tích kho tư liệu Hán Nôm	Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn	Trung tâm Thư viện và tri thức số	2027-2029

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	và di sản văn hóa phi vật thể.			
5.2	Nghiên cứu, phát triển các mô hình mô phỏng cho các ngành khoa học cơ bản (vật lý, hóa học, sinh học) và phát triển ứng dụng AI trong phân tích dữ liệu gen/khí hậu.	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	Ban Khoa học và Đổi mới sáng tạo	2026-2028
5.3	Nghiên cứu, phát triển mô hình phân tích học sử dụng công nghệ AI để dự báo kết quả và cảnh báo sớm nguy cơ bỏ học của sinh viên, tích hợp vào VNU-Dashboard.	Trường Đại học Kinh tế	Ban Đào tạo và công tác sinh viên, Viện Đào tạo số và Khảo thí	2026-2027
5.4	Phát triển nền tảng Bệnh viện ảo và Atlas giải phẫu 3D tương tác, phục vụ đào tạo thực hành Y khoa.	Trường Đại học Y Dược	Ban Đào tạo và công tác sinh viên, Viện Đào tạo số và Khảo thí	2026-2028
5.5	Phát triển nền tảng đào tạo và đánh giá ngôn ngữ thích ứng tích hợp công nghệ AI nhận diện giọng nói và chấm điểm tự động.	Trường Đại học Ngoại ngữ	Ban Đào tạo và công tác sinh viên, Viện Đào tạo số và Khảo thí	2026-2027
5.6	Xây dựng ngân hàng học liệu và công cụ AI hỗ trợ thiết kế bài giảng, công cụ đánh giá cá nhân hóa cho giáo dục phổ thông và đào tạo giáo viên.	Trường Đại học Giáo dục	Ban Đào tạo, Trung tâm TT-TV số	2026-2027
5.7	Xây dựng cơ sở dữ liệu các bản án, tình huống pháp lý và phát triển công cụ AI tạo sinh chuyên môn hẹp hỗ trợ nghiên cứu, tra cứu, viện dẫn pháp luật.	Trường Đại học Luật	Trường ĐH Công nghệ (Kỹ thuật), Ban KH-CN	2027-2029
5.8	Số hóa toàn bộ tài liệu nghiên cứu theo lĩnh vực chuyên môn, kết quả đề tài đã nghiệm thu và lưu trữ tại Kho học liệu số dùng chung.	Các Viện nghiên cứu	Ban Khoa học và Đổi mới sáng tạo, Trung tâm Thư viện và tri thức số	2026-2027

**PHỤ LỤC 2. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI
CỤ THỂ MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THUỘC ĐỀ ÁN NĂM 2026**

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Tiến độ thực hiện	Kết quả cần đạt được năm 2026
1.	Xây dựng chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số	Văn phòng ĐHQGHN	<ul style="list-style-type: none"> - Quý III: hoàn thiện Bộ chỉ số và hướng dẫn đánh giá. - Quý IV: xin ý kiến, hoàn thiện, trình Giám đốc ĐHQGHN ban hành. 	Bộ chỉ số được ban hành; kết quả chuyển đổi số trở thành tiêu chí cứng trong công tác thi đua, khen thưởng.
2.	Bảo đảm điều kiện hạ tầng số tại khu đô thị Hòa Lạc	Văn phòng ĐHQGHN, Ban Quản lý dự án, Trung tâm Quản lý đô thị đại học	<ul style="list-style-type: none"> - Quý III: nâng cấp đường truyền, bảo đảm chất lượng truy cập Internet từ mạng nội khu Hòa Lạc; - Quý IV: lập thiết kế kỹ thuật chi tiết cho hệ thống mạng nội khu, Trung tâm dữ liệu và hạ tầng tính toán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo đảm chất lượng, tốc độ truyền dẫn Internet và mạng nội khu đáp ứng nhu cầu sử dụng ứng dụng, dịch vụ số và trao đổi, lưu trữ dữ liệu tại Hòa Lạc. - Thiết kế tổng thể hạ tầng số; danh mục thông số cấu hình, phương án thiết lập (logic và vật lý) các thiết bị phụ trợ, hệ thống máy chủ, mạng và lưu trữ, quản lý dữ liệu; phương án quy hoạch, di chuyển thiết bị công nghệ thông tin và chuyển đổi các hệ thống hiện có.
3.	Tăng cường năng lực bảo đảm an toàn thông tin	Văn phòng ĐHQGHN	<ul style="list-style-type: none"> - Quý III: kiểm thử an toàn thông tin và phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn cho 100% Hệ 	Hệ thống giám sát an toàn thông tin hoạt động 24/7; các hệ thống quan trọng được bảo vệ toàn diện theo mô hình phòng thủ

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Tiến độ thực hiện	Kết quả cần đạt được năm 2026
			<p>thống thông tin dùng chung, Hệ thống thông tin quan trọng của ĐHQGHN.</p> <p>- Quý IV: Nâng cấp năng lực bảo mật, sao lưu dự phòng và khắc phục sự cố cho các máy chủ do Trung tâm Quản trị đại học số quản lý; tổ chức diễn tập thực chiến ứng cứu sự cố.</p>	nhiều lớp.
4.	Triển khai hệ thống VNU-MIS và hoàn thiện kho dữ liệu dùng chung	Văn phòng ĐHQGHN, các Ban chức năng	<p>- Quý II: vận hành chính thức VNU-MIS kết nối, liên thông dữ liệu với HEMIS.</p> <p>- Quý IV: hoàn thành chuẩn hóa dữ liệu nhân sự, đào tạo và khoa học công nghệ.</p>	Hình thành kho dữ liệu sạch, tập trung; trực tích hợp dữ liệu hoạt động ổn định; các đơn vị đào tạo sẽ cung cấp, khai báo dữ liệu trên hệ thống VNU-MIS thay vì trực tiếp trên HEMIS.
5.	Triển khai thống nhất, tập trung Hệ thống quản lý đào tạo toàn trình trong ĐHQGHN	Ban Đào tạo và công tác sinh viên, Văn phòng ĐHQGHN	<p>- Quý II: thống nhất quy trình nghiệp vụ và chuẩn dữ liệu đào tạo.</p> <p>- Quý III: hoàn thiện hệ thống, chuyển đổi dữ liệu, kiểm thử và hướng dẫn sử dụng.</p> <p>- Tháng 12: nâng cấp, thay thế các hệ thống quản lý đào tạo hiện có.</p>	Quản lý thống nhất công tác đào tạo từ tuyển sinh đến tốt nghiệp trên một cơ sở dữ liệu người học duy nhất.
6.	Triển khai thống nhất, tập trung một Hệ thống thông tin quản lý khoa học công nghệ trong ĐHQGHN	Ban Khoa học và Đổi mới sáng tạo, Văn phòng ĐHQGHN	<p>- Quý II: rà soát, số hóa dữ liệu lý lịch khoa học của giảng viên, nhà khoa học.</p> <p>- Quý III: triển khai đầy đủ quy trình đăng ký, xét duyệt, ký hợp đồng và nghiệm thu nhiệm vụ KHCN trực tuyến trên hệ thống mới.</p>	100% thủ tục quản lý nhiệm vụ KHCN thực hiện toàn trình trên môi trường mạng; CSDL giảng viên, nhà khoa học và công bố quốc tế thống nhất.

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Tiến độ thực hiện	Kết quả cần đạt được năm 2026
7.	Xây dựng hệ thống quản lý, theo dõi nhiệm vụ.	Văn phòng ĐHQGHN	<ul style="list-style-type: none"> - Quý II: phát triển, thử nghiệm và hướng dẫn sử dụng. - Quý III: hoàn thành xây dựng, áp dụng cho giao ban tháng, giao ban quý, mở rộng tới các đơn vị. 	Hệ thống được đưa vào sử dụng thường xuyên, kiểm đếm chính xác nhiệm vụ được giao, giúp công tác giao ban đi vào nề nếp.
8.	Phát triển ứng dụng di động OneVNU và hệ thống định danh, xác thực cho người học	Văn phòng ĐHQGHN, Đoàn Thanh niên	<ul style="list-style-type: none"> - Quý III: bổ sung các chức năng hỗ trợ học tập, sinh hoạt của người học tại Hòa Lạc trên ứng dụng di động OneVNU. - Quý IV: định danh và xác thực tập trung qua một tài khoản cho toàn bộ hệ sinh thái số của ĐHQGHN. 	Người dùng chỉ cần 01 tài khoản truy cập mọi hệ thống; OneVNU trở thành kênh giao tiếp và cung cấp các dịch vụ cho người học một cửa điện tử toàn trình (từ gửi yêu cầu, xử lý đến trả kết quả).